

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v: “Chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Tâm

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Ngọc Thạch
2. Ông Vũ Đình Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2014/TLST-DS ngày 02/4/2014 về “Chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-DS ngày 30/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân T – Sinh năm: 1973

Địa chỉ: thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

** Bị đơn:* Bà Trương Thị S - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: TDP Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: phường P, quận H, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Chức danh: Phó tổng giám đốc theo Giấy ủy quyền số 859/2018/UQ-SeABank. (Vắng mặt)

2. Ông Trương Văn M – Sinh năm: 1971

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Trương Thị S:* Ông Lê Văn Tuấn – Luật sư Văn phòng luật sư Lê Văn Tuấn và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/4/2014, đơn rút đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2014, bản tự khai ngày 29/4/2014, biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2019, nguyên đơn Trần Xuân Tg trình bày: Trước đây, ông T và bà Trương Thị S là vợ chồng, đến năm 2014 thì ly hôn. Do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản sau:

- 02 amply California 46813;
- 04 amply Yarquar 128B;
- 06 loa 301 seri 4;
- 06 loa 301 seri 5;
- 06 đầu Karaoke 3600;
- 04 tivi LG 42 inch;
- 01 tivi LG 32 inch;
- 01 tivi Panasonic 42 inch;
- 04 máy lạnh Mitsubishi electric 1200 BTC;
- 02 máy lạnh Reeteech;
- 01 tủ đông Sanaky;
- 06 bộ bàn ghế karaoke;
- 01 xe máy hiệu Honda Wave α 79Z1-14652;
- 02 giường gỗ;
- 01 bộ bàn ghế gỗ phòng khách;
- 01 tủ gỗ phòng khách;
- 01 tủ nhôm áo quần;
- 01 tủ gỗ thờ;
- 01 sup EV, 03 sup SAS, 03 sup Odroid;
- 01 tủ lạnh Hitachi;
- 02 Eco Elesis;
- 12 micro.

Đối với số tiền 260.000.000 đồng mà Công ty TNHH U vay của Ngân hàng Đ, Công ty TNHH U đã trả cho ngân hàng. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T không thừa nhận có vay số tiền 150.000.000 đồng của ông Trương Văn M và cũng không thừa nhận có ký giấy mượn tiền nên không đồng ý trả số tiền này.

Trong bản tự khai ngày 29/4/2014, ngày 28/5/2019, ngày 28/8/2019 và tại phiên tòa, bị đơn Trương Thị S trình bày: Sau khi ly hôn, bà S và ông T còn một số tài sản chung là các thiết bị điện tử kinh doanh karaoke và một số vật dụng trong gia đình. Tòa án đã định giá tất cả các tài sản này là 54.214.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt thì coi như từ bỏ yêu cầu, vì vậy bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tài sản này.

Bà S cho rằng số tiền 260.000.000 đồng là do ông T đại diện Công ty TNHH U vay của Ngân hàng Đ. Công ty TNHH U đã trả hết số tiền này cho Ngân hàng TMCP Đ nên bà S không yêu cầu giải quyết.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng còn nợ ông Trương Văn M, bà S yêu cầu ông T phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ này cho ông M.

Trong đơn rút đơn yêu cầu độc lập, người đại diện Ngân hàng TMCP Đ là ông Vũ Đình K trình bày: Trước đây Công ty TNHH U có vay của Ngân hàng 260.000.000 đồng. Công ty TNHH U đã trả nợ và tất toán toàn bộ khoản vay, do đó Ngân hàng TMCP Đ rút toàn bộ yêu cầu độc lập về đòi nợ đối với ông Trần Xuân T và bà Trương Thị S.

Trong bản tự khai ngày 01/7/2014, 28/5/2019 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M trình bày: Trước đây, vợ chồng ông Trần Xuân T và bà Trương Thị S có vay của ông 150.000.000 đồng. Việc vay mượn có lập thành văn bản và ông T, bà S cùng ký vào giấy mượn tiền. Bà S đã trả cho ông M 75.000.000 đồng. Nay ông M yêu cầu ông Trần Xuân T phải có trách nhiệm trả cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 75.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Trần Xuân T không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình, đã vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn Trương Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Nguyên đơn Trần Xuân T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt thì xem như từ bỏ yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ.

Yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn M, buộc ông Trần Xuân T phải trả cho ông Trương Văn M 75.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/02/2014, ông Trần Xuân T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa về việc chia tài sản chung và Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 12 Điều 25; Điều 33; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

Ngân hàng TMCP Đ và ông Trương Văn M có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Trần Xuân T và bà Trương Thị S trả nợ. Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 25; Điều 33; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Xuân T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu chia tài sản chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn bị coi là đã từ bỏ yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn ông Trần Xuân T.

[2.2] Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ: Công ty TNHH U đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ và Ngân hàng TMCP Đ đã có đơn rút đơn yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ.

[2.3] Đối với yêu cầu độc lập của ông Trương Văn M: Mặc dù, ông Trần Xuân T không thừa nhận vay tiền của ông Trương Văn M và ông T cũng không thừa nhận đã ký giấy mượn tiền đề ngày 01/9/2012, nhưng tại Kết luận giám định số 519/GĐTP/2014 ngày 01/12/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa thì chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông Trần Xuân T. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định vào ngày 01/9/2012 ông Trần Xuân T và bà Trương Thị S vay của ông Trương Văn M số tiền 150.000.000 đồng và có lập giấy mượn tiền. Do đó, ông Trương Văn M yêu cầu ông Trần Xuân T phải trả cho ông $\frac{1}{2}$ số nợ là 75.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Ông M không yêu cầu bà Siêm trả tiền và không yêu cầu ông T trả lãi phát sinh nên không xét.

[3] Về chi phí giám định chữ ký: Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 01/9/2012 là của ông Trần Xuân T. Do đó ông Trần Xuân T phải chịu chi phí giám định chữ ký là 7.650.000 đồng.

[4] Về án phí:

- Do nguyên đơn ông Trần Xuân T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Trần Xuân T đã nộp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ rút yêu cầu độc lập nên hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M được chấp nhận nên ông Trần Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $75.000.000 \times 5\% = 3.750.000$ đồng. Hoàn lại cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của nguyên đơn ông Trần Xuân T. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu nguyên đơn Trần Xuân T và bị đơn Trương Thị S trả số tiền vay là 260.000.000 đồng. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M. Buộc ông Trần Xuân T phải trả cho ông Trương Văn M 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*).

2. Về chi phí giám định chữ ký: Ông Trần Xuân T phải chịu chi phí giám định chữ ký là 7.650.000 đồng.

3. Về án phí:

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Trần Xuân T đã nộp là 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/0006839 ngày 02/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.711.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm mười một nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/0006971 ngày 14/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Trần Xuân T phải chịu 3.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/0006960 ngày 01/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Quy định: Kể từ ngày ông Trương Văn M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Xuân T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị đơn Trương Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; nguyên đơn Trần Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm